

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2024/KDTM-PT
Ngày: 24/5/2024
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ
gửi giữ hộ hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhân

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Quốc Đạt

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, ngày 26 tháng 4, ngày 20, ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 22/2024/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ gửi giữ hộ hàng hóa”.

Do Bản án sơ thẩm số 219/2023/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 657/2024/QĐXX-PT ngày 16 tháng 02 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 3196/2024/QĐ-PT ngày 14/03/2024, các Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 4682/2024/QĐPT-KDTM ngày 10/4/2024, số 5720/2024/QĐPT-KDTM ngày 26/4/2024, số 6665/2024/QĐPT-KDTM ngày 20/5/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần CCL; Trụ sở: Số 1295B đường A, phường A1, Quận A2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thành C; Địa chỉ: Số 1 B9-B11 đường số 27, phường B, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số 01/UQ-CLL ngày 11/03/2024) – *có mặt*

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ xây dựng kho bãi HV; Trụ sở: Số 99-101 đường C, Phường C1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T; Địa chỉ: Số 16/55/46 đường D, phường D1, quận D2, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền công chứng số 00003117 quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/12/2020 của Văn phòng Công chứng Ngô Đức Nhân, Thành phố Hồ Chí Minh) - *vắng mặt*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

1. Tổng Công ty N; Địa chỉ: Số 189 đường E, Phường E1, quận E2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Lê Trọng H, ông Nguyễn Đức Vũ H, ông Cẩm B, ông Ngô Minh Đ (Giấy ủy quyền số 107/GUQ-TCT ngày 13/03/2024) - *có mặt*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Võ Thị Bích N – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH TT; Địa chỉ: Số 04 đường F, Phường F1, Quận F2, Thành phố Hồ Chí Minh - *có mặt*.

2. Ông Hồ Hoài P- *vắng mặt ngày 10 và ngày 26 tháng 4 năm 2024;*

Đại diện ủy quyền: Ông Lê T; Địa chỉ: 47 lầu 1, đường G, Phường G1, Quận G2, TP.HCM (văn bản ủy quyền ngày 15/5/2024 tại Văn phòng Công chứng Trần Thanh Hải) - *có mặt ngày 20 và ngày 24/5/2024.*

3. Ông Trần Quang T, sinh năm 1980 - *vắng mặt;*

4. Ông Nguyễn Trường M, sinh năm 1990 - *vắng mặt;*

5. Ông Nguyễn Đoàn AT, sinh năm 2000 - *vắng mặt;*

6. Ông Lê N, sinh ngày 15/11/2003 - *vắng mặt;*

Cùng địa chỉ: Số 352 (số cũ 166) đường K, Khu phố K1, phường K2 A, quận K3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Tổng Công ty N, ông Hồ Hoài P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2020, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 03/6/2020 và trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm những người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần CCL (gọi tắt là Công ty CCL) ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 108/HĐHTKD/2017 ngày 27/9/2017, Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 124/HĐHTKD/2018 ngày 29/12/2018 với Tổng Công ty N (gọi tắt là Tổng Công ty N) để hợp tác kinh doanh mặt bằng kho bãi tại địa chỉ: 166 đường K, Khu phố K1, phường K2, quận K3, Tp. Hồ Chí Minh (số mới là 352 đường K).

Trên cơ sở đó, Công ty CCL đã ký kết Hợp đồng Dịch vụ gửi, giữ hộ hàng hóa hợp tác kinh doanh kho bãi số 10.41/2017 HĐDV ngày 01/10/2017 (bl 161-164) và Phụ lục 01 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại dịch vụ kho bãi HV (gọi tắt là Công ty HV), cụ thể như sau: Địa điểm gửi, giữ hộ hàng hóa tại số 166 đường K, phường K2, quận K3, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích sử

dụng: 7.829 m², thời hạn hợp đồng: từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2018; phí dịch vụ: 120.000.000 đồng/tháng (đã bao gồm thuế GTGT)

Khi thời gian thực hiện hợp đồng giữa Công ty CCL và Công ty HV kết thúc, mặc dù đã tạo điều kiện để Công ty HV di dời toàn bộ hàng hóa gửi giữ và bàn giao lại mặt bằng cho Công ty CCL trước ngày 30/6/2019. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty HV vẫn cố tình không thực hiện yêu cầu trên làm thiệt hại nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty CCL. Đồng thời làm Công ty CCL không thể tiến hành giao trả mặt bằng để thanh lý hợp đồng với Tổng Công ty N.

Công ty CCL khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc Công ty HV phải di dời toàn bộ hàng hóa gửi giữ tại mặt bằng tại địa chỉ số 166 đường K, phường K2, quận K3, Thành phố Hồ Chí Minh, bàn giao lại mặt bằng để Công ty Cổ phần CCL bàn giao lại mặt bằng cho Tổng Công ty N.

+ Buộc Công ty HV phải bồi thường do chưa thực hiện việc bàn giao mặt bằng cho Công ty CCL theo Hợp đồng Dịch vụ gửi, giữ hộ hàng hóa hợp tác kinh doanh kho bãi số 10.41/2017 HDDV ngày 01/10/2017 và Phụ lục 01 với số tiền: 120.000.000 đồng/tháng, tạm tính từ 01/07/2019 đến 03/6/2020: 1.440.000.000 đồng.

+ Buộc Công ty HV còn phải chịu thêm mức lãi suất chậm trả cho đến khi thanh toán hết công nợ tính từ ngày 01/07/2019 theo Điều 306 của Luật Thương Mại 2005 và Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- *Tại bản tự khai ngày 21/01/2021 và trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, người đại diện của Công ty HV là bị đơn trình bày:* Ngày 01/10/2017 Công ty HV có ký kết “Hợp đồng dịch vụ gửi giữ hộ hàng hóa” với Công ty CCL. Thời hạn hợp đồng từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2018. Sau khi ký hợp đồng thì Công ty HV đã bỏ nhiều chi phí để đầu tư kho bãi. Khi giao kết hợp đồng Công ty CCL có cam kết sẽ tạo điều kiện cho Công ty HV gia hạn thời gian hợp tác hoặc ký tiếp hợp đồng mới. Khi gần đến ngày hết hạn hợp đồng Công ty CCL không có thông báo trước 30 ngày cho Công ty HV để chuẩn bị đầu tư nơi khác và Công ty HV đã tiếp tục đầu tư vào kho bãi để tiếp tục hoạt động vì tin tưởng giao kết như trên. Đến khoảng giữa tháng 12/2018 Công ty HV nhận được công văn của Công ty CCL về việc chấm dứt hợp đồng. Vì Công ty HV đã đầu tư rất nhiều vào kho bãi để tiếp tục đề nghị gia hạn và thực hiện kế hoạch tiếp tục khai thác hoạt động kho bãi nên việc di dời không thực hiện được kịp lúc nên Công ty HV đã đề nghị xin gia hạn thêm thời gian để thực hiện việc di dời hàng hóa. Cho đến cuối tháng 6/2019 Công ty CCL đã thực hiện việc cắt điện, cắt nước và chốt chặn tại mặt bằng không cho vào kho bãi mà chỉ cho xuất ra nên từ đó Công ty HV đã chuyển hết hàng hóa ra khỏi kho bãi và không còn hoạt động tại kho bãi trên nữa (Công văn 45 ngày 24/6/2019 và số 39 ngày 10/6/2019). Việc một số cá nhân nhận thấy kho bãi để trống nên chiếm dụng để

hoạt động thì công ty HV không biết rõ và cũng không có hợp tác gì với các cá nhân đó. Công ty CCL yêu cầu Công ty HV trả lại mặt bằng cũng như số tiền phí dịch vụ hàng tháng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán không có cơ sở. Công ty HV đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của Công ty CCL, buộc Công ty CCL trả lại số tiền của Công ty HV đã đặt cọc là 120.000.000 đồng.

- *Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 22/5/2022 và trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, người đại diện của Tổng Công ty N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Toàn bộ mặt bằng kho bãi tại địa chỉ số 166 đường K, phường K2, quận K3, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích: 7.829 m² là một trong các mặt bằng nhà, đất được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt phương án xử lý tổng thể nhà đất của Tổng Công ty N tại Văn bản số 4225/UBND – TM, ngày 04/7/2008. Năm 2010, mặt bằng nêu trên được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chuyển giao cho Tổng Công ty N trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số : 3467/QĐ-UBND ngày 10 tháng 08 năm 2010. Trên cơ sở đó, Tổng Công ty N sau khi chuyển đổi đã quản lý, sử dụng và nộp tiền thuê đất từ đó cho đến nay.

Ngày 29/12/2017, Tổng Công ty N và Công ty CCL ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: 124/HĐHTKD/2018 nhằm hợp tác kinh doanh để làm dịch vụ nhận gửi, giữ hộ hàng hóa. Theo đó:

Tổng Công ty N góp vốn bằng toàn bộ quyền sử dụng 7.829m² diện tích mặt bằng kho bãi tại địa chỉ 166 đường K, phường K2, quận K3, Thành phố Hồ Chí Minh và toàn bộ chi phí khấu hao tài sản cố định, bảo hiểm nhà kho và chi phí thuê đất, không làm mất đi quyền sở hữu Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất. Công ty CCL góp vốn bằng việc chịu các khoản chi phí, bao gồm: chi phí nhân lực trực tiếp khai thác, quản lý khách hàng và các chi phí phát sinh trong quá trình khai thác như: Chi phí sửa chữa, nâng cấp mặt bằng kho bãi và các chi phí khác liên quan trong quá trình khai thác dịch vụ giữ hộ hàng hóa. Việc phân chia kết quả doanh thu: bất kể kết quả kinh doanh, Tổng Công ty N được chia doanh thu tối thiểu số tiền là 105.600.000 (một trăm lẻ năm triệu, sáu trăm nghìn đồng) đồng/tháng. Khoản chia doanh thu của Công ty CCL là toàn bộ doanh thu còn lại của hoạt động kinh doanh khai thác mặt bằng. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

Ngày 01/10/2017, Công ty CCL và Công ty HV ký Hợp đồng dịch vụ số 10.41/2017/HĐDV ngày 01/10/2017 về việc nhận gửi và giữ hộ hàng hóa tại địa chỉ 166 đường K, phường K2, quận K3, Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thực hiện hợp đồng là ngày 31/12/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng hợp tác:

Tại thời điểm ký kết hợp đồng số 124/HĐHTKD/2018 giữa Tổng Công ty N với Công ty CCL chỉ là ngắn hạn, tránh lãng phí, mang lại nguồn thu cho Tổng Công ty N. Tuy nhiên, theo kết luận và kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV, theo Thông báo số: 601/TB-KVIV ngày 06 tháng 09 năm 2018; Kết

luận của Thanh Tra thành phố Hồ Chí Minh số: 05/KL-TTTP-P7, ngày 21/02/2019 và kết luận của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn TP tại thông báo số: 170/TB-VP, ngày 02/4/2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì việc ký kết hợp đồng nêu trên chưa phù hợp, không đúng phương án xử lý tổng thể nhà, đất; không đúng đối tượng, mục đích sử dụng đất theo quyết định giao đất, cho thuê đất của Ủy ban Nhân dân Thành phố; yêu cầu Tổng Công ty N soát lại để thanh lý các hợp đồng cho thuê tài sản gắn liền với đất được nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm không đúng quy định, trong đó có hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên.

Căn cứ thời hạn được ghi trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: 124/HĐHTKD/2018, ngày 29/11/2017 sẽ hết thời hạn vào ngày 31/12/2018, đồng thời căn cứ quy định pháp luật và sự chỉ đạo của đơn vị chủ quản cũng như yêu cầu của các cơ quan thẩm quyền nhà nước, Tổng Công ty N đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu Công ty CCL thực hiện theo các điều khoản thỏa thuận, quy định trong hợp đồng, giao trả lại mặt bằng nêu trên là tài sản của Nhà nước để Tổng Công ty N quản lý, cụ thể:

Tổng Công ty N đã nhiều lần làm việc, gửi văn bản yêu cầu Công ty CCL, Công ty HV giải quyết việc thanh lý hợp đồng và giao trả mặt bằng. Phía Công ty CCL, Công ty HV cũng nhiều lần đề nghị Tổng Công ty N gia hạn thời gian để Công ty CCL, Công ty HV di dời toàn bộ hàng hóa và bàn giao lại mặt bằng. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa bàn giao lại mặt bằng.

Tổng Công ty N yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc Công ty CCL và Công ty HV phải giao trả lại tài sản cho Tổng Công ty N là toàn bộ nhà đất, mặt bằng kho bãi nêu trên để Tổng Công ty N quản lý, sử dụng đúng quy định.

+ Buộc Công ty CCL phải thanh toán cho Tổng Công ty N số tiền tương đương số tiền được phân chia lợi nhuận hàng tháng do Công ty CCL chậm giao trả nhà đất, mặt bằng kho bãi, thời gian thanh toán được tạm tính từ ngày 01/07/2019 cho đến thời điểm 31/07/2020 với số tiền là: 1.452.880.000 đồng, gồm: phân chia doanh thu 105.000.000đ/tháng x 13 tháng : 1.372.800.000 đồng và lãi phát sinh do chậm thanh toán (lãi suất 10%/năm): 80.080.000 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Hoài P , ông Trần Quang T, ông Nguyễn Trường M, ông Nguyễn Đoàn AT, ông Lê N: vắng mặt trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án sơ thẩm số 219/2023/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần CCL đối với bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ xây dựng kho bãi HV về tranh chấp hợp đồng dịch vụ gửi, giữ hộ hàng hóa.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ xây dựng kho bãi HV phải thanh toán cho Công ty Cổ phần CCL số tiền do chậm thực hiện

việc bàn giao mặt bằng từ ngày 01/7/2019 đến ngày 29/9/2023 là 6.116.000.000 (sáu tỷ một trăm mười sáu triệu) đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ xây dựng kho bãi HV tiếp tục phải trả 120.000.000 đồng/tháng cho Công ty Cổ phần CCL cho đến tính từ ngày 30/10/2023 đến khi thực hiện xong việc giao trả mặt bằng.

Sau khi nhận được số tiền chậm bàn giao mặt bằng tính từ ngày 30/10/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ xây dựng kho bãi HV, Công ty Cổ phần CCL phải trả cho Tổng Công ty N số tiền tương đương với tương đương với 87,5 % (105.000.000 đồng : 120.000.000 đồng x 100%) mà Tổng Công ty N được hưởng theo thỏa thuận phân chia lợi nhuận.

1.2. Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ xây dựng kho bãi HV phải thanh toán cho Công ty Cổ phần CCL số tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 01/7/2019 đến ngày 29/9/2023 là 1.316.284.931 (một tỷ ba trăm mười sáu triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi một) đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Tổng Công ty N.

2.1. Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ xây dựng kho bãi HV và ông Ngô Hoài P phải tháo dỡ, di dời toàn bộ hàng hóa tài sản vật dụng tại mặt bằng kho bãi có diện tích 7.829 m², thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại địa chỉ số 166 đường K, phường K2, quận K3, Thành phố Hồ Chí Minh trả lại theo đúng hiện trạng theo Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 01/10/2017 cho Tổng Công ty N.

2.2. Buộc Công ty Cổ phần CCL phải trả cho Tổng Công ty N số tiền 5.382.080.000 (năm tỷ ba trăm tám mươi hai triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng ngay sau khi nhận được số tiền chậm thực hiện bàn giao mặt bằng từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ xây dựng kho bãi HV.

2.3. Buộc Công ty Cổ phần CCL sau khi nhận được số tiền lãi chậm thanh toán từ phía Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ xây dựng kho bãi HV phải thanh toán ngay cho Tổng Công ty N tương đương với phần lợi nhuận được hưởng là 115.432.285 (một trăm mười lăm triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn hai trăm tám mươi lăm) đồng.

2.4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tuyên bố Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 124/HĐHTKD/2018 ngày 29/12/2017 giữa Tổng Công ty N với Công ty Cổ phần CCL vô hiệu của Tổng Công ty N.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy

định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng thời gian và số tiền chậm thi hành án; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 12/10/2023 Tổng Công ty N nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của Tổng Công ty N là không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty N. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Tổng Công ty N.

Ngày 12/10/2023 ông Hồ Hoài P nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải quyết mối quan hệ giữa ông Hồ Hoài P, ông Trương E (là người trực tiếp ký hợp đồng thuê mặt bằng) với Công ty HV. Yêu cầu cấp phúc thẩm đưa ông Trương E vào là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án, buộc Công ty HV và ông Nguyễn HV chịu trách nhiệm thanh toán cho ông Trương E số tiền 1.660.000.000 đồng. Kèm theo đơn kháng cáo là đơn yêu cầu tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của ông Trương E.

** Tại phiên tòa Phúc thẩm:*

- Tại phiên tòa ngày 10/4/2024, đại diện người kháng cáo là Tổng Công ty N trình bày:

Bản án sơ thẩm chỉ tuyên buộc Công ty HV phải có nghĩa vụ giao trả mặt bằng cho Tổng Công ty N là chưa phù hợp. Tổng Công ty N kháng cáo yêu cầu Công ty CCL và HV cùng có trách nhiệm giao trả mặt bằng vì Công ty CCL là bên thuê mặt bằng từ Tổng Công ty N nên khi hết hạn hợp đồng thì phải cùng với Công ty HV là bên hiện đang trực tiếp sử dụng mặt bằng bàn giao tài sản thuê theo đúng hiện trạng thuê.

Bản án sơ thẩm tuyên buộc Công ty CCL thanh toán tiền cho Tổng Công ty N sau khi nhận được tiền từ Công ty HV là không phù hợp theo quy định của hợp đồng đã ký. Vì theo quy định tại Điều 3.2 hợp đồng thì “*Bất kể kết quả kinh doanh khai thác mặt bằng kho bãi của Bên B thực hiện như thế nào, nhưng Bên B phải đảm bảo khoản chia doanh thu tối thiểu cho Bên A hàng tháng là 105.600.000 đồng/tháng ...*”. Đồng thời, mặt dù tên gọi là hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng thực tế chỉ là hợp đồng thuê mặt bằng giữa Tổng Công ty N và Công ty CCL nên theo quy định của khoản 4 Điều 482 Bộ luật Dân sự “*Khi bên thuê chậm trả tài sản thuê thì bên cho thuê có quyền yêu cầu bên thuê trả lại tài sản thuê, trả tiền thuê trong thời gian chậm trả (...) trả tiền phạt vi phạm do chậm trả tài sản thuê*”. Do vậy, Tổng Công ty N đề nghị cấp phúc thẩm sửa án buộc

Công ty CCL phải trả cho Tổng Công ty N số tiền 5.382.080.000 đồng và tiền lãi là 115.432.285 đồng ngay khi bản án có hiệu lực.

Tại phiên tòa ngày 20/5/2024, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và đại diện của Tổng Công ty N trình bày:

Tổng Công ty N thấy rằng cấp sơ thẩm không giải quyết vượt quá yêu cầu của Tổng Công ty N vì tại đơn khởi kiện Tổng Công ty N có xác định là “*tạm tính đến ngày 31/07/2020*” nên Tổng Công ty N vẫn có quyền yêu cầu tính đến ngày giao trả mặt bằng là đúng theo quy định của khoản 4 Điều 482 Bộ luật Dân sự. Do vậy, Tổng Công ty N yêu cầu tính từ ngày 01/7/2019 cho đến khi giao trả xong mặt bằng với số tiền theo quy định trong hợp đồng là 105.600.000 đồng/tháng, tạm tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm tháng 4/2024 thì Công ty CCL phải trả tổng số tiền thuê là 6.054.400.000 đồng và tiền lãi là 1.471.457.778 đồng. Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên “*Buộc Công ty CCL phải trả cho Tổng Công ty N số tiền 5.382.080.000 đồng và tiền lãi là 115.432.285 đồng*” thì Tổng Công ty N không đồng ý số liệu này vì Tổng Công ty N cũng không biết Hội đồng xét xử sơ thẩm đã căn cứ vào đâu để tính ra số tiền như vậy nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại phần tuyên về giá trị thanh toán và lãi suất vì không phù hợp với số liệu do Tổng Công ty N tự tính toán. Vì lý do đó, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án tuyên buộc Công ty CCL phải thanh toán ngay cho Tổng Công ty N số tiền gốc tính đến ngày 01/4/2024 là 6.054.400.000 đồng và tiền lãi 1.471.457.778 đồng hoặc hủy án xem xét lại để có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Tổng Công ty N.

- Tại phiên tòa ngày 10/4/2024, người đại diện Công ty CCL trình bày:

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 124/HĐHTKD/2018 ngày 29/12/2017 giữa Tổng Công ty N và Công ty CCL, hai bên thỏa thuận cùng hợp tác kinh doanh mặt bằng kho bãi và phân chia lợi nhuận kinh doanh. Tại Điều 3 Hợp đồng quy định: Tổng Công ty N góp vốn bằng toàn bộ quyền sử dụng mặt bằng kho bãi và các chi phí như khấu hao tài sản cố định, bảo hiểm nhà kho, điện, nước, chi phí thuê đất của mặt bằng kho bãi tại địa chỉ số 166 đường K, phường K2, quận K3, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích là 7.829m² trong đó có 2000m² nhà kho và 5.829 m² sân bãi. Công ty CCL góp vốn bằng việc chịu các khoản chi phí bao gồm nhân lực để trực tiếp quản lý khai thác, quản lý khách hàng và các chi phí phát sinh trong quá trình khai thác như chi phí sửa chữa, nâng cấp mặt bằng kho bãi và các chi phí khác liên quan trong quá trình khai thác kho bãi. Tại Điều 3.2 Hợp đồng ngoài quy định: bất kể kết quả kinh doanh, Tổng Công ty N được chia doanh thu tối thiểu số tiền 105.600.000 đồng/tháng; đồng thời còn có quy định “*Căn cứ vào kết quả kinh doanh đến hết 31/12/2018 hai bên sẽ quyết toán và phân chia doanh thu cho phù hợp với hợp với kết quả kinh doanh*”. Do vậy, nếu căn cứ theo hợp đồng thì Công ty CCL chỉ thanh toán cho Tổng Công ty N khi phát sinh doanh thu.

Thực tế Công ty CCL đã thanh toán đầy đủ cho Tổng Công ty N cho đến hết ngày 30/6/2019, từ ngày 01/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm không có phát

sinh doanh thu do Công ty HV không trả tiền thuê, vì vậy bản án sơ thẩm tuyên Công ty CCL có nghĩa vụ thanh toán cho Tổng Công ty N sau khi nhận được thanh toán từ Công ty HV là phù hợp theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng.

Tại biên bản làm việc ba bên ngày 09/8/2019 giữa Tổng Công ty N, Công ty CCL và Công ty HV thể hiện Công ty HV có nghĩa vụ giao trả mặt bằng cho Tổng Công ty N chậm nhất vào ngày 20/8/2019 nhưng không thực hiện là phát sinh trách nhiệm của Công ty HV với Tổng Công ty N, Công ty CCL đã chấm dứt nghĩa vụ với Tổng Công ty N kể từ ngày ký biên bản làm việc này. Công ty CCL khởi kiện công ty HV là thực hiện theo trách nhiệm đã được các bên thỏa thuận tại biên bản làm việc ngày 09/8/2019. Công ty CCL khởi kiện công ty HV là thực hiện theo trách nhiệm đã được các bên thỏa thuận tại biên bản làm việc ngày 09/8/2019. Vì vậy, để phân định trách nhiệm nghĩa vụ của từng bên Công ty CCL đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty HV phải giao trả mặt bằng và trả tiền sử dụng mặt bằng trực tiếp cho Tổng Công ty N trên thời gian từ sau ngày 20/8/2019 cho đến khi giao trả mặt bằng theo yêu cầu của Tổng Công ty N.

Tại phiên tòa ngày 20/5/2024, người đại diện Công ty CCL trình bày:

Công ty CCL thấy rằng bản án sơ thẩm đã tuyên Công ty CCL chỉ phải trả số tiền 5.382.080.000 đồng cho Tổng Công ty N sau khi nhận được tiền từ Công ty HV là phù hợp nên không kháng cáo phần quyết định này và đồng thời cũng muốn cho bản án sơ thẩm sớm có hiệu lực thi hành để Tổng Công ty N nhận lại mặt bằng kho bãi. Tuy nhiên, do Tổng Công ty N kháng cáo yêu cầu Công ty CCL phải chịu trách nhiệm độc lập đối với số tiền 5.382.080.000 đồng này nên Công ty CCL đề nghị được xem xét lại quyết định của bản án sơ thẩm đã giải quyết có phần vượt quá yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty N, cụ thể như sau: Từ đơn khởi kiện yêu cầu độc lập cho đến tại phiên tòa sơ thẩm thì Tổng Công ty N chỉ yêu cầu: *“Buộc Công ty CCL phải thanh toán cho Tổng Công ty N số tiền tương đương số tiền mà Tổng Công ty N được phân chia lợi nhuận hàng tháng do Công ty CCL chậm giao trả nhà đất, mặt bằng kho bãi, thời gian thanh toán được tạm tính từ ngày 01/07/2019 cho đến thời điểm 31/07/2020 với số tiền là: 1.452.880.000 đồng, gồm: phân chia doanh thu 105.000.000đ/tháng x 13 tháng : 1.372.800.000 đồng và lãi phát sinh do chậm thanh toán (lãi suất 10%/năm) : 80.080.000 đồng”*, nhưng khi nhận định và quyết định trong bản án thì lại tuyên Công ty CCL phải trả số tiền 5.382.080.000đ (...) và tiền lãi (...) là vượt quá yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty N làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của Công ty CCL.

Tuy nhiên, để thể hiện thiện chí nhằm sớm kết thúc vụ án Công ty CCL tự nguyện chấp nhận trả cho Tổng Công ty N số tiền 1.452.880.000 đồng đúng như yêu cầu tại đơn khởi kiện của Tổng Công ty N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng,

những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng vụ án: Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của Tổng Công ty N, của ông Hồ Hoài P còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức đúng quy định.

Tại phiên tòa lần 2 ông Hồ Hoài P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt mà không gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên bị coi là từ bỏ kháng cáo, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của ông P theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với những yêu cầu trình bày trong đơn kháng cáo của ông Hồ Hoài P chưa được nêu ra tại cấp sơ thẩm nên ông P được quyền khởi kiện để giải quyết bằng vụ án khác.

Yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty N yêu cầu buộc Công ty CCL phải trả tiền thuê mặt bằng tạm tính đến ngày 24/5/2024 là vượt quá yêu cầu khởi kiện nên không có cơ sở. Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc Công ty CCL phải trả cho Tổng Công ty N số tiền doanh thu được chia theo thỏa thuận phân chia doanh thu là 5.382.080.000 đồng và tiền lãi chậm trả sau khi được số tiền thanh toán từ Công ty HV là không phù hợp và vượt quá phạm vi khởi kiện của Tổng Công ty N. Tại phiên tòa Công ty CCL tự nguyện đồng ý thanh toán khoản tiền đúng theo yêu cầu tại đơn khởi kiện của Tổng Công ty N nên đề nghị ghi nhận. Từ những nhận định trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Tổng Công ty N, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty CCL phải thanh toán số tiền 1.452.880.000 đồng. Hủy và đình chỉ giải quyết đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm đã giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày và tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của Tổng Công ty N và của ông Hồ Hoài P còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Xét việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp của bị đơn là Công ty HV, ông Trần Quang T, ông Nguyễn Trường M, ông Nguyễn Đoàn AT, ông Lê N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 14/03/2024 và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 ngày 10/4/2024, nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Xét kháng cáo của ông Hồ Hoài P : Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 14/03/2024, ông Hồ Hoài P có đơn xin hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ 2 ngày 10/4/2024 ông Hồ Hoài P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì coi như từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử, trong phần quyết định của bản án, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của ông P. Tại đơn kháng cáo ông Hồ Hoài P yêu cầu cấp phúc thẩm xác định ông Trương E là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án, buộc Công ty HV và ông Nguyễn HV chịu trách nhiệm thanh toán cho ông Trương E số tiền 1.660.000.000 đồng với lý do giữ ông Trương E và Công ty HV có ký với nhau hợp đồng thuê mặt bằng tại địa chỉ số 166 đường K, phường K2, quận K3, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy nội dung này chưa đưa được nêu ra tại cấp sơ thẩm, chưa được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết nên không thuộc phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm. Các đương sự có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét đề nghị của người đại diện ông Hồ Hoài P được tham gia phiên tòa ngày 20/5/2024: Sau khi tạm dừng phiên tòa vào ngày 10 và ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại phiên tòa tiếp tục vào ngày 20/5/2024, người đại diện theo ủy quyền của ông P đề nghị được tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp nhận người đại diện của ông P tham gia theo tư cách đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như bản án sơ thẩm đã xác định. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông P đã được Hội đồng xét xử xem xét quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm tại phiên tòa ngày 10/4/2024 nên không xét lại.

[6] Xét kháng cáo của Tổng Công ty N đề nghị buộc Công ty CCL và Công ty HV cùng có nghĩa vụ giao trả mặt bằng thuê: Tổng Công ty N trình bày căn cứ để đưa ra yêu cầu này là do Công ty CCL là bên thuê mặt bằng của Tổng Công ty N nên khi hết hạn hợp đồng thì phải có nghĩa vụ giao trả tài sản thuê, còn Công ty HV là bên trực tiếp sử dụng tài sản thuê nên cùng có nghĩa vụ với công ty CCL trả lại tài sản thuê cho Tổng Công ty N.

[7] Tại phiên tòa, người đại diện Công ty CCL không đồng ý lời trình bày của phía Tổng Công ty N, Công ty CCL khẳng định hợp đồng giữa các bên là hợp đồng hợp tác kinh doanh, bên Tổng Công ty N góp vốn là mặt bằng để sử

dụng kinh doanh dịch vụ kho bãi. Do Công ty HV thuê lại để kinh doanh sau đó chiếm giữ không trả mặt bằng nên Công ty HV mới là bên có nghĩa vụ giao trả mặt bằng còn Công ty CCL và Tổng Công ty N là bên có quyền yêu cầu Công ty HV giao trả.

[8] Hội đồng xét xử nhận định: Xét thấy ngày 27/9/2017 Tổng Công ty N và Công ty CCL có thỏa thuận và giao kết với nhau theo hình thức văn bản với tên gọi là “Hợp đồng hợp tác kinh doanh” có những nội dung chính như sau: *“Cùng thỏa thuận ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh với các điều khoản và điều kiện sau đây: Điều 1. Mục tiêu và phạm vi hợp tác kinh doanh; 1.1. Mục tiêu hợp tác kinh doanh: Hai bên ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác mặt bằng kho bãi tại (...) để làm dịch vụ nhận gửi, giữ hộ hàng hóa. Nhằm mục tiêu khai thác tối đa hiệu quả từ mặt bằng kho bãi, trên cơ sở dựa vào thế mạnh của mỗi bên từ các tài sản theo hiện trạng mặt bằng của Bên A và nguồn nhân lực, kinh nghiệm quản lý điều hành, khai thác mặt bằng kho bãi của Bên B; 1.2. Phạm vi hợp tác kinh doanh: Hai bên nhất trí cùng hợp tác (...) để làm dịch vụ nhận gửi, giữ hộ hàng hóa. (...); Điều 3. Góp vốn: Phân chia kết quả kinh doanh (...); 3.1 Góp vốn: - Bên A góp vốn bằng toàn bộ quyền sử dụng mặt bằng kho bãi và các khoản chi phí như: chi phí khấu hao tài sản cố định, bảo hiểm nhà kho, điện, nước, chi phí thuê đất,(...) Bên B góp vốn bằng việc chịu các khoản phí (...); 3.2 Phân chia kết quả kinh doanh (...); Điều 4. Ban điều hành hoạt động kinh doanh: Hai bên thành lập ban điều hành hoạt động kinh doanh gồm 5 người trong đó Bên A sẽ cử 02 người, Bên B sẽ cử 03 người đại diện khi cần phải đưa ra các quyết định (...). Mọi quyết định của Ban điều hành sẽ được thông qua khi có ít nhất 3 thành viên đồng ý (...)”*, ngoài ra trong hợp đồng còn có quy định về quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, phạm vi hợp đồng, việc giải quyết tranh chấp, hiệu lực hợp đồng và điều khoản chung. Lời trình bày của Công ty CCL là phù hợp với hình thức và nội dung thể hiện tại hợp đồng đã ký giữa các bên, phía Tổng Công ty N nêu căn cứ xác định đây là hợp đồng thuê là căn cứ trong nội dung của Kết luận thanh tra ngày 21/02/2019 về thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng đất đai (...) tại Tổng Công ty N, đã có nêu: *“Việc Tổng Công ty N sử dụng mặt bằng, nhà đất hợp tác kinh doanh khai thác mặt bằng, giữ hộ hàng hóa nhưng thực chất là cho thuê lại (...)”* là không phù hợp với quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng, cụ thể Điều 385 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *“Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.”* hợp đồng phát sinh hiệu lực từ thời điểm giao kết hoặc theo thỏa thuận và chỉ chấm dứt hiệu lực khi hết hạn theo quy định hoặc bị tuyên bố vô hiệu. Trong vụ án này phía Tổng Công ty N có khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng hợp tác vô hiệu nhưng sau đó đã rút yêu cầu, do vậy không có cơ sở để xác định hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký là hợp đồng thuê như lời trình bày của phía Tổng Công ty N.

[9] Sau khi hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty N và Công ty CCL hết hạn cũng như Hợp đồng dịch vụ gửi, giữ hộ hàng hóa hợp tác kinh

doanh kho bãi giữa Công ty CCL và Công ty HV hết hạn, ngày 09/8/2019 giữa các bên đã có thỏa thuận về việc Công ty HV có nghĩa vụ giao trả mặt bằng cho Tổng Công ty N chậm nhất là ngày 20/8/2019 nhưng không thực hiện mà tiếp tục quản lý sử dụng cho đến nay. Bản án sơ thẩm tuyên buộc Công ty HV phải có nghĩa vụ giao trả mặt bằng cho Tổng Công ty N là phù hợp theo nội dung thỏa thuận 03 bên tại biên bản làm việc ngày 09/8/2019 và phù hợp với quyền và nghĩa vụ của các bên được quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh. Ngoài ra, thể hiện tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án cấp sơ thẩm lập ngày 03/02/2021 và trên thực tế các bên đều thừa nhận từ trước đến nay Công ty CCL cũng không phải là người trực tiếp quản lý sử dụng hay chiếm giữ mặt bằng này. Do vậy, việc Tổng Công ty N yêu cầu Công ty CCL có nghĩa vụ giao trả mặt bằng là không phù hợp với các nghĩa vụ của Công ty CCL được quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh và trên thực tế quản lý sử dụng mặt bằng, vì vậy nội dung kháng cáo này không có cơ sở nên không được chấp nhận. Phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên đối với nội dung này là phù hợp nên được giữ nguyên.

[10] Xét kháng cáo của Tổng Công ty N đối với phần quyết định đã tuyên của bản án sơ thẩm có nội dung buộc Công ty CCL trả tiền cho Tổng Công ty N sau khi được thanh toán từ Công ty HV. Đồng thời đề nghị xác định lại số tiền phân chia lợi nhuận mà Công ty CCL phải thanh toán cho Tổng Công ty N theo quy định của hợp đồng là 105.000.000 đồng/tháng, từ ngày 01/7/2019 cho đến khi hoàn tất giao trả mặt bằng, tạm tính đến ngày xét xử phúc thẩm là 6.054.400.000 đồng và tiền lãi do chậm trả 1.471.457.778 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án để tuyên buộc Công ty CCL phải trả khoản tiền nêu trên cho Tổng Công ty N hoặc hủy án xem xét lại để có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Tổng Công ty N: Tổng Công ty N trình bày căn cứ để đưa ra yêu cầu này là theo quy định tại hợp đồng thì hàng tháng Công ty CCL phải trả khoản tiền cố định là 105.000.000 đồng/tháng, đồng thời do đây là hợp đồng thuê nên áp dụng quy định của khoản 4 Điều 482 Bộ luật Dân sự sau khi hết hạn hợp đồng thuê bên thuê chậm giao trả tài sản thuê thì phải tiếp tục trả tiền trong thời gian chậm giao trả.

[11] Tại phiên tòa người đại diện Công ty CCL trình bày: Không đồng ý việc Tổng Công ty N xác định quan hệ giữa các bên là hợp đồng thuê, khẳng định quan hệ giữa các bên là hợp đồng hợp tác kinh doanh đúng như hợp đồng đã ký, do vậy việc phân chia lợi nhuận chỉ được thực hiện khi có phát sinh doanh thu, thực tế từ ngày 01/7/2019 đến nay không phát sinh doanh thu nên không có cơ sở để phân chia lợi nhuận là 105.000.000 đồng/tháng như yêu cầu của Tổng Công ty N. Đồng thời, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét phần quyết định của bản án sơ thẩm đã giải quyết vượt quá yêu cầu của Tổng Công ty N, cụ thể tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập cho đến tại phiên tòa sơ thẩm thì Tổng Công ty N chỉ yêu cầu Công ty CCL số tiền là 1.452.880.000 đồng, nhưng khi nhận định và quyết định trong bản án thì lại tuyên Công ty CCL phải trả số tiền 5.382.080.000 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán 115.432.285 đồng là vượt

quá yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty N, làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của Công ty CCL trong trường hợp kháng cáo của Tổng Công ty N được cấp phúc thẩm chấp nhận. Tuy nhiên, với mong muốn sớm kết thúc vụ án Công ty CCL đồng ý trả cho Tổng Công ty N số tiền 1.452.880.000 đồng đúng như yêu cầu tại đơn khởi kiện của Tổng Công ty N.

[12] Hội đồng xét xử nhận định: Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 22/5/2022, các bản tự khai ngày 05/11/2020, ngày 27/5/2022, các biên bản hòa giải ngày 28/4/2021, ngày 04/4/2022, các Biên bản phiên tòa ngày 15/6/2023, ngày 29/9/2023 đều thể hiện Tổng Công ty N yêu cầu “*Buộc Công ty CCL phải thanh toán cho Công ty N số tiền tương đương số tiền mà Công ty N được phân chia lợi nhuận hàng tháng do Công ty CCL chậm giao trả nhà đất, mặt bằng kho bãi, thời gian thanh toán được tạm tính từ ngày 01/07/2019 cho đến thời điểm 31/07/2020 với số tiền là: 1.452.880.000 đồng, gồm: phân chia doanh thu 105.000.000đ/tháng x 13 tháng : 1.372.800.000 đồng và lãi phát sinh do chậm thanh toán (lãi suất 10%/năm) : 80.080.000 đồng*”. Nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên: Công ty CCL phải trả số tiền 5.382.080.000 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán 115.432.285 đồng là có một phần vượt quá phạm vi yêu cầu của Tổng Công ty N. Mặc dù Tổng Công ty N và Công ty CCL không có thực hiện quyền kháng cáo theo quy định đối với nội dung này, tuy nhiên xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết khi chưa yêu cầu Tổng Công ty N thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí đối với phần yêu cầu vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu, chưa thông báo thụ lý để cho các đương sự khác trong vụ án biết về yêu cầu bổ sung của Tổng Công ty N để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng đối với yêu cầu này là vi phạm về thủ tục tố tụng được quy định tại các Điều 195, Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thuộc trường hợp quy định khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 217, khoản 2, khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để sửa phần đã giải quyết này bản án sơ thẩm theo hướng hủy và đình chỉ giải quyết phần quyết định đã tuyên vượt quá này.

[13] Xác định phần giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của Tổng Công ty N như sau: Tại đơn khởi kiện Tổng Công ty N yêu cầu “*tạm tính từ ngày 01/07/2019 cho đến thời điểm 31/07/2020 với số tiền là: 1.452.880.000 đồng, gồm: phân chia doanh thu 105.000.000đ/tháng x 13 tháng: 1.372.800.000 đồng và lãi phát sinh do chậm thanh toán (lãi suất 10%/năm) : 80.080.000 đồng*” tại phần nhận định của bản án sơ thẩm như sau: “*Công ty CCL phải thanh toán ngay cho Tổng Công ty N số tiền 105.600.000 đồng x 50 tháng 29 ngày = 5.382.080.000 đồng sau khi được số tiền thanh toán từ Công ty HV là phù hợp (...); Công ty CCL phải trả số tiền lãi chậm trả này tương đương với phần lợi nhuận là 87,5 % (...) = 1.151.749.315 đồng*”. Như vậy xác định phần giải quyết vượt quá yêu cầu của Tổng Công ty N là khoản thời gian từ sau ngày 31/7/2020 trở đi và số tiền đã giải quyết vượt quá là: Tổng số tiền phải trả theo quyết định

của bản án (5.382.080.000 đồng + 1.151.749.315 đồng) – 1.452.880.000 đồng = 5.080.949.315 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện Tổng Công ty N đề nghị xem xét giải quyết yêu cầu đòi Công ty CCL trả tiền thuê mặt bằng trong thời gian từ ngày 01/8/2020 đến khi giao trả xong mặt bằng là vượt quá yêu cầu khởi kiện đã được tòa án thụ lý ban đầu, phần yêu cầu này thuộc trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí nhưng chưa được Tổng Công ty N thực hiện nên không có cơ sở để xem xét giải quyết trong vụ án này.

[14] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm phía Công ty CCL đã tự nguyện đồng ý trả cho Tổng Công ty N số tiền 1.452.880.000 đồng đúng như yêu cầu của Tổng Công ty N đưa ra trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, phù hợp với phạm vi yêu cầu của Tổng Công ty N mà Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết theo đúng quy định. Mặc dù Công ty CCL không đồng ý lời trình bày của Tổng Công ty N về căn cứ để đưa ra yêu cầu đòi số tiền 1.452.880.000 đồng, nhưng vẫn tự nguyện đồng ý trả cho Tổng Công ty N số tiền 1.452.880.000 đồng, vì vậy Hội đồng xét xử không nhận định về lời trình bày của các bên, chỉ ghi nhận về nghĩa vụ của Công ty CCL đã tự nguyện đồng ý trả cho Tổng Công ty N số tiền 1.452.880.000 đồng. Do vậy, cần sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên về nghĩa vụ trả tiền của Công ty CCL đối với Tổng Công ty N theo hướng buộc Công ty CCL có nghĩa vụ thanh toán cho Tổng Công ty N số tiền 1.452.880.000 đồng.

[15] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[16] Căn cứ quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về quyết định lãi, lãi suất trong bản án, nhận thấy trong hợp đồng các bên không có quy định về lãi suất chậm thanh toán và tại phiên tòa cũng không thỏa thuận với nhau về mức lãi suất chậm thanh toán. Do đó việc quyết định lãi, lãi suất được căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 306 Luật Thương mại. Do phần quyết định về nội dung này của Bản án sơ thẩm tuyên chưa phù hợp nên sửa phần nội dung này.

[17] Đối với những phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo nên giữ nguyên.

[18] Về án phí:

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng phí phúc thẩm do ông Hồ Hoài P đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0026678 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hoàn lại cho Tổng Công ty N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Do sửa bản án sơ thẩm nên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại như sau: Công ty CCL có nghĩa vụ trả cho Tổng Công ty N số tiền 1.452.880.000 đồng, nên tiền phải chịu án phí là 55.586.400 đồng. Căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.600.000 đồng, thì Công ty CCL còn phải nộp bổ sung số tiền là 27.986.400 đồng.

Tổng Công ty N không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn lại cho Tổng Công ty N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 217, Điều 271, Điều 273, khoản 2, 3 Điều 296, khoản 2, 4 Điều 308, khoản 2 Điều 310, khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Hồ Hoài P .

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của Tổng Công ty N. Sửa bản án sơ thẩm như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần CCL đối với bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ xây dựng kho bãi HV về tranh chấp hợp đồng dịch vụ gửi, giữ hộ hàng hóa:

- Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ xây dựng kho bãi HV phải thanh toán cho Công ty Cổ phần CCL số tiền do chậm thực hiện việc bàn giao mặt bằng từ ngày 01/7/2019 đến ngày 29/9/2023 là 6.116.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ xây dựng kho bãi HV tiếp tục phải trả 120.000.000 đồng/tháng cho Công ty Cổ phần CCL cho đến tính từ ngày 30/10/2023 đến khi thực hiện xong việc giao trả mặt bằng.

- Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ xây dựng kho bãi HV phải thanh toán cho Công ty Cổ phần CCL số tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 01/7/2019 đến ngày 29/9/2023 là 1.316.284.931 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Tổng Công ty N.

- Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ xây dựng kho bãi HV và ông Hồ Hoài P phải tháo dỡ, di dời toàn bộ hàng hóa tài sản vật dụng tại mặt bằng kho bãi có diện tích 7.829 m², thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại địa chỉ số 166 đường K, phường K2, quận K3, Thành phố Hồ Chí Minh trả lại theo đúng hiện trạng theo Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 01/10/2017 cho Tổng Công ty N.

- Buộc Công ty Cổ phần CCL phải trả cho Tổng Công ty N số tiền 1.452.880.000 đồng.

2.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tuyên bố Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 124/HĐHTKD/2018 ngày 29/12/2017 giữa Tổng Công ty N với Công ty Cổ phần CCL vô hiệu của Tổng Công ty N.

4. Hủy và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc Công ty Cổ phần CCL phải trả cho Tổng Công ty N tiền phân chia doanh thu 105.000.000 đồng/tháng từ và tiền lãi do chậm trả ngày 01/8/2020 cho đến khi hoàn tất việc giao trả mặt bằng.

Hậu quả của việc đình chỉ: Tổng Công ty N được quyền khởi kiện lại.

5. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần CCL phải chịu án phí là 55.586.400 đồng. Cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.600.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0061320 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, thì Công ty Cổ phần CCL còn phải nộp bổ sung số tiền là 27.986.400 đồng.

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ xây dựng kho bãi HV phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 115.432.285 đồng.

- Tổng Công ty N không phải chịu án phí, nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0061897 ngày 28/9/2020 và 27.793.200 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0061896 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng phí phúc thẩm do ông Hồ Hoài P đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0026678 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổng Công ty N không phải chịu án phí phúc thẩm, nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0026688 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.Bình Tân;
- Chi cục THADS Q.Bình Tân;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thanh Nhàn